

Tác-giả : LÃN-ÔNG LÊ-HỮU-TRÁC  
Dịch-giả : ĐÌNH-THỤ HOÀNG-VĂN-HÒE  
với sự cộng tác của HOÀNG-ĐÌNH-KHOA

# *Sách thuốc Việt-Nam*

海 上 醫 宗 心 領

QUYỂN BA  
TỪ LẬP 10 ĐẾN LẬP 16  
TÂM LINH

QUYỂN BA

*Từ lập 10 đến lập 16*

Huyền tân phát vi — Khôn hóa thái chân  
— Tâm dắc thần phương — Hiệu phỏng  
tân-phương — Ngoại cảm — Ma chẩn  
chuẩn thăng — Dương án âm án

Nhà sách **KHAI-TRÍ**

62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON



## **Lời dịch giả**

Huyền-tần là chỉ vào tạng thận là hành thủy, mà giữa tạng thận có mệnh-môn-hỏa, đó là thủy hỏa vô hình về tiên-thiên để lập mệnh, thủy hỏa ấy lúc là chân âm, chân dương, khác với khí huyết hữu hình về hậu-thiên là sanh rồi mới có.

Lê tiên-sinh làm thuốc chú trọng về căn bản là thủy hỏa và khí huyết, mới ghi riêng lập **Huyền-tần phát-vi** này nói về thủy hỏa là nguồn gốc cho khí huyết, và những bài thuốc về thủy hỏa

Dưới tập này Lê tiên-sinh còn ghi những bài thuốc của Phùng-Thị ở sách **Cần-nang** để độc giả hiểu rõ phương pháp chữa về thủy hỏa, vậy độc giả rất nên chú ý mà cần nhất là hiểu rộng rồi thu hẹp lại.

Sài Gòn, ngày 7 tháng 7 năm 1971

Dịch giả :

Đình-Thụ HOÀNG-VĂN-HOÈ





## Tiểu-dẫn của tác giả

Có người hỏi tôi rằng: « Sao Ông chữa bệnh chỉ đem những vị thuốc bổ khí bổ huyết, cho uống một hai hay ba thang, bệnh nhân dù khỏi ngay hay chậm khỏi, là Ông cho uống ngay đến bài lục-vị hay bài bát-vị, mà bệnh nặng đến đâu cũng khỏi, thế thì người ta đều hỏi thủy hư hay hỏa hư mà thành bệnh hay sao ? »

Tôi trả lời rằng: « Nội-kinh có nói: Bách bệnh đều khởi người hư yếu mà sinh ra » lại nói: « Bách bệnh hư yếu rồi sau phải đến tạng thận ». Lại nói: « Lúc mới thụ bệnh nên phân biệt là bệnh từ trong ra hay từ ngoài đến, nhưng bệnh đã lâu đều bởi người hư yếu » Lại nói « Phép chữa bách bệnh xét về căn bản cũng như chữa một bệnh », lại nói: « Biết được yếu lĩnh thì một câu nói là song, nếu không biết được yếu lĩnh thì vạn mác vô cùng. »

Những lời nội-kinh đã dạy, tôi kinh nghiệm để chữa bệnh, mới biết phương thuốc đời xưa đặt ra, không gì bằng bài lục-vị và bát-vị, thật là thần phương để giữ cho tính mệnh, nếu ta biết rõ ý nghĩa của hai phương thuốc ấy mà gặp bệnh thông biến, dùng để trục tà khí thời lữ thủy mà ra mồ-hôi. Dùng để tiêu đờm, thời giúp được sự vận hóa, dùng để chữa phong thời sinh huyết mà phong dẹp đi, dùng để tán hàn thời thêm được chân-



hỏa, dùng để thanh thử thời đem khí nóng về chỗ, dùng để trừ thấp thời tiêu được tà-thủy (hấp-thủy), những người chỉ có thiếu-dương thời giúp cho « thiên-quỷ-thủy » để cứu lấy chân âm, bệnh về kinh nguyệt thời thêm chân thủy để giúp phần huyết khô, với hai phương thuốc ấy đem chữa chứng phong, chứng lao, chứng cò-cách, còn có thể cứu vãn được, huống chi là các bệnh nhỏ, chỉ cần ở người biết dùng. Tôi gặp bệnh chứng hoặc dùng cả bài thuốc mà phân lượng khác nhau, hoặc trong phương ấy chỉ dùng vài vị hay ba bốn vị, hoặc thêm những vị khác có khi đến 13, 14 vị, cốt sao cho những vị thêm vào phải tương tự với những vị trong phương thuốc này, thời cùng một chiều hướng mà có công hiệu.

Tôi nghĩ rằng : « Trong hai phương thuốc ấy, có vị thục-địa để bổ chân thủy, có vị quế và phụ-tử để thêm chân hỏa, thế là đã xong việc để bổ cho chân âm và chân dương, còn những vị kia dù nhiều hay ít chỉ là để giúp sức, những lời tôi biện luận, đã nói kỹ ở dưới đây.

Vì thế, tôi xếp những phương thuốc và lời bàn của các vị tiên hiền, có quan hệ đến thủy hỏa ở trong thân người, biên chép thành tập này gọi tên là tập « *Huyền-tấn Phát-vi* » nghĩa là phát minh những tính vị về thủy hỏa lập mệnh, mong những người có chí về y đạo, bắt chước phương thuốc của thánh nhân mà còn suy rộng thêm ra.

Lê-Hữu-Trác

Biệt hiệu Hải-Thượng Lân-Ông  
Làm bài tiền-dẫn kể trên.



## TẬP HUYỀN TÂN PHÁT-VI

### GỒM CÓ CÁC BÀI :

- 1 — Nói về đồ tiên-thiên thái-cực
- 2 — Nói về đồ thái-cực trong thân người
- 3 — Nói về hình đồ quả kiền chuyển thành quả ly
- 4 — Tạng tâm và tạng thận tương thông với nhau
- 5 — Nói về vinh và vệ, thanh hay trọc, thủy và hỏa, thăng hay giáng
- 6 — Bàn về tạng can, tạng thận cùng chữa với nhau
- 7 — Bàn về tương-hỏa long-lôi
- 8 — Bàn về quân-hỏa và tương-hỏa
- 9 — Phân biệt về hỏa của tiên-thiên hay hậu-thiên
- 10 — Bàn về thủy, hỏa giúp lẫn nhau
- 11 — Bàn về giúp chân âm để giáng hỏa
- 12 — Bàn về hai bài thuốc thủy và hỏa
- 13 — Chân thủy của tiên-thiên thực hay hư và phép chữa.
- 14 — Chân hỏa của tiên-thiên thực hay hư và phép chữa
- 15 — Đại ý chứng bệnh hư yếu về tiên-thiên.
- 16 — Phép xem sức nóng của bệnh nhân
- 17 — Bài bát-vị-hoàn
- 18 — Công hiệu của bài bát-vị
- 19 — Ý nghĩa của bài bát-vị



- 20 — Bài bát-vị gia giảm
- 21 — Bài bát-vị cấm thêm những vị gì?
- 22 — Dùng thuốc gì để nấu bát-vị hoàn
- 23 — Bài bát-vị biến ra lục vị hoàn
- 24 — Công dụng của bài lục-vị
- 25 — Ý nghĩa của bài lục-vị
- 26 — Bài lục-vị gia giảm
- 27 — Những chứng gì cấm dùng bài lục-vị
- 28 — Những bài thuốc do bài lục-vị biến ra
- 29 — Những vị thuốc hợp với bài lục-vị
- 30 — Dùng bài bát-vị, lục-vị để chữa các chứng bệnh
- 31 — Mười hai bài ở sách Cẩm-Nang gia giảm
- 32 — Những án bệnh chữa bằng bài bát-vị ở sách Cẩm-Nang



# Mục-lục

## HẢI THƯỢNG Y TÔN

### Quyển III

Trang

#### TẬP HUYỀN-TẤN PHÁT-VI

|                                                                     |      |
|---------------------------------------------------------------------|------|
| Lời dịch giả                                                        | 1095 |
| Tiền dẫn của tác giả                                                | 1097 |
| Tập Huyền Tấn Phát Vi gồm có các bài                                |      |
| 1) Nói về đồ tiên-thiên thái-cực                                    | 1101 |
| 2) Nói về đồ thái-cực trong thân người                              | 1101 |
| 3) Nói về hình đồ quả kiến chuyển thành quả ly                      | 1109 |
| 4) Tạng tâm và tạng thận tương thông với nhau                       | 1110 |
| 5) Nói về vinh và vệ thanh hay trọc, thủy và hỏa<br>thăng hay giáng | 1112 |
| 6) Bàn về tạng can, tạng thận cùng chữa với nhau                    | 1113 |
| 7) Bàn về tương-hỏa long-lôi                                        | 1116 |
| 8) Bàn về quân-hỏa và tương-hỏa                                     | 1117 |
| 9) Phân biệt về hỏa của tiên-thiên hay hậu-thiên                    | 1118 |
| 10) Bàn về thủy, hỏa giúp lẫn nhau                                  | 1119 |
| 11) Bàn về giúp châm âm để giáng hỏa                                | 1120 |
| 12) Bàn về hai bài thuốc thủy và hỏa                                | 1122 |
| 13) Chân thủy của tiên-thiên thực hay hư và phép chữa               | 1124 |
| 14) Chân hỏa của tiên-thiên thực hay hư và phép chữa                | 1126 |
| 15) Đại ý chứng bệnh hư yếu về tiên-thiên                           | 1128 |
| 16) Phép xem sức nóng của bệnh nhân                                 | 1130 |
| 17) Bài bát-vị-hoàn                                                 | 1130 |
| 18) Công hiệu của bài bát-vị                                        | 1132 |
| 19) Ý nghĩa của bài bát-vị                                          | 1133 |
| 20) Bài bát-vị gia giảm                                             | 1135 |



|                                                        |      |
|--------------------------------------------------------|------|
| 21) Bài bát-vị cấm thân những \ .                      | 1139 |
| 22) Dùng thuốc gì để nống bát-vị oản                   | 1140 |
| 23) Bài bát-vị biến ra lục vị hoàn                     | 1141 |
| 24) Công dụng của bài lục-vị                           | 1143 |
| 25) Ý nghĩa của bài lục-vị                             | 1144 |
| 26) Bài lục-vị gia giảm                                | 1145 |
| 27) Những chứng gì cấm dùng bài lục-vị                 | 1148 |
| 28) Những bài thuốc do bài lục-vị biến ra              | 1148 |
| 29) Những vị thuốc hợp với bài lục-vị                  | 1153 |
| 30) Dùng bài bát-vị, lục-vị để chữa các chứng bệnh     | 1153 |
| 31) Mười hai bài ở sách Cẩm-Nang gia giảm              | 1167 |
| 32) Những án bệnh chữa bằng bài bát-vị ở sách Cẩm-Nang | 1174 |

## TẬP KHÔN-HOÀ THÁI-CHÂN

|                      |      |
|----------------------|------|
| Tiên dẫn của tác giả | 1201 |
|----------------------|------|

Tập Khôn-Hoà Thái-Chân gồm 37 mục :

|                                                                              |      |
|------------------------------------------------------------------------------|------|
| 1) Nói về địa vị « bát quái » của vua Văn-Vương về Hậu-Thiên                 | 1205 |
| 2) Nói về Hậu-Thiên trong thân người.                                        | 1207 |
| 3) Bàn về Hậu-Thiên                                                          | 1207 |
| 4) Bàn về khí-huyết                                                          | 1211 |
| 5) Âm-huyết về Hậu-Thiên, thực hay hư, mạch, hình, và chứng cùng phép chữa   | 1213 |
| 6) Dương-khí của Hậu-Thiên, thực hay hư, mạch, hình, và chứng cùng phép chữa | 1215 |
| 7) Phép chữa bệnh về tỷ vị của Hậu-Thiên.                                    | 1217 |
| 8) Bài Bồ Trung ích khí                                                      | 2221 |
| 9) Công hiệu của bài Bồ-Trung                                                | 1222 |
| 10) Ý nghĩa của bài Bồ-Trung                                                 | 1224 |
| 11) Bài Bồ-Trung gia giảm                                                    | 1226 |
| 12) Những bệnh gì nên dùng bài Bồ-Trung                                      | 1229 |
| 13) Những bệnh gì nên cấm dùng bài Bồ-Trung                                  | 1231 |



|                                                 |      |
|-------------------------------------------------|------|
| 14) Những bài thuốc do bài Bồ-Trung biến ra     | 1233 |
| 15) Bài Tứ-Quân Tử                              | 1235 |
| 16) Ý-nghĩa bài Tứ-Quân-Tử                      | 1235 |
| 17) Bài Tứ-Quân-Tử gia giảm                     | 1235 |
| 18) Những bài gì do bài Tứ-Quân biến ra.        | 1238 |
| 19) Những bệnh gì cấm dùng bài Tứ-Quân          | 1240 |
| 20) Bài Tứ-Vật                                  | 1240 |
| 21) Ý nghĩa của bài Tứ-Vật                      | 1241 |
| 22) Bài Tứ-Vật gia giảm.                        | 1243 |
| 23) Những bài gì do bài Tứ-Vật biến ra ?        | 1251 |
| 24) Bài Bát-Trân.                               | 1256 |
| 25) Ý nghĩa bài Bát-Trân                        | 1256 |
| 26) Bài Bát Trân gia-giảm                       | 1257 |
| 27) Bài Thập Toàn đại bổ                        | 1257 |
| 28) Ý-nghĩa bài Thập-Toàn                       | 1258 |
| 29) Sáu bài thuốc do bài Thập-Toàn biến ra      | 1258 |
| 30) Bài Quy-Tỳ.                                 | 1260 |
| 31) Ý-nghĩa của bài Quy-Tỳ                      | 1260 |
| 32) Bài Quy-Tỳ gia giảm                         | 1261 |
| 33) Bài Toàn-Tảo nhân-thang                     | 1263 |
| 34) Bài Nhân-Sâm Dưỡng-Vinh                     | 1263 |
| 35) Ý nghĩa của bài Dưỡng-Vinh và phép gia-giảm | 1264 |
| 36) Bài Dưỡng-Vinh Quy-Tỳ thang                 | 1264 |
| 37) Bài Thập-Toàn bổ chính thang                | 1265 |

## TẬP TÂM-ĐẮC THẦN-PHƯƠNG

|                                          |      |
|------------------------------------------|------|
| Tiêu dẫn của tác giả                     | 1269 |
| Tập Tâm-Đắc Thần-Phương gồm có các bài : |      |
| 1) Toàn-sân nhữt-khí thang               | 1273 |
| 2) Dưỡng-vinh quy-tỳ thang               | 1275 |
| 3) Thập-toàn bổ-chính thang              | 1275 |
| 4) Tổ-nguyên cứu-thận thang              | 1276 |
| 5) Bảo-sâm vạn-toàn thang                | 1277 |
| 6) Tráng-thủy phương                     | 1278 |
| 7) Đại bổ tâm-tỳ khí-huyết phương        | 1279 |
| 8) Bồ-âm liêm-dương phương               | 1279 |
| 9) Cứu-ly phương                         | 1280 |



|                                                |      |
|------------------------------------------------|------|
| 10) Bồ-huyệt diêu-khi thư-cân hoạt-lạc phương  | 1280 |
| 11) Dưỡng-huyệt khu-phong phương               | 1281 |
| 12) Bồ-trung dưỡng-hư-thư-cân phương           | 1283 |
| 13) Diêu-bồ khí-huyệt phương                   | 1284 |
| 14) Bồ khí-huyệt trảng cân-cổ phương           | 1284 |
| 15) Bồ-huyệt thanh-nhiệt uế-độc phương         | 1285 |
| 16) Tư-bồ khí-huyệt phương                     | 1288 |
| 17) Tư-âm giải tháo phương                     | 1287 |
| 18) Nùng tháo, lý trợ khí huyết phương         | 1288 |
| 19) Khí-huyệt song-hòa trực-độc phương         | 1288 |
| 20) Bồ khí-huyệt trụ-đờm phương                | 1289 |
| 21) Thanh hỏa-tả chỉ âm-nghiệch phương         | 1290 |
| 22) Tam-ngược thần phương                      | 1291 |
| 23) Mộc-hương tán bí phương                    | 1292 |
| 24) Gia vị bình-vị tán bí phương               | 1293 |
| 25) Gia vị Ngũ-linh tán bí phương              | 1293 |
| 26) Hắc-linh đan                               | 1294 |
| 27) Cứu-dương thang                            | 1294 |
| 28) Trợ-dương phương                           | 1296 |
| 29) Trần-lạp nhân-dương phương                 | 1297 |
| 30) Bồ-hỏa sinh-thổ nạp-khi tàng-nguyên phương | 1297 |
| 31) Hồi-dương khu-phong phương                 | 1298 |
| 32) Trảng-thủy ích-hỏa phương                  | 1299 |
| 33) Dương hư ích-hỏa phương                    | 1300 |
| 34) Bồ-huyệt sinh-tân phương                   | 1300 |
| 35) Khu hàn phương                             | 1301 |
| 36) Sâm quế phụ phương                         | 1302 |
| 37) Ngũ-vị lý-trung phương                     | 1302 |
| 38) Cứu-thoát phương                           | 1303 |
| 39) Bồ chân-âm thanh giải-nhiệt phương         | 1303 |
| 40) Tư-kim trảng-thủy phương                   | 1304 |
| 41) Bồ-tinh phương                             | 1304 |
| 42) Ngũ-tạng kiêm từ cao                       | 1305 |
| 43) Dưỡng-tâm, thanh-phế, hòa-san cao          | 1306 |
| 44) Tảán bồ ngũ tạng vinh-vệ cao               | 1307 |
| 45) Bồ dưỡng vinh-vệ cao                       | 1308 |
| 46) Cam-lộ thần cao                            | 1308 |
| 46) Lao-khải cao tư phương                     | 1309 |



|                                              |      |
|----------------------------------------------|------|
| 48) Chấn khởi nguyên-khi hư hãm cao          | 1310 |
| 49) Tiên-trệ bí phương                       | 1311 |
| 50) Chư-phi cao                              | 1313 |
| 51) Gia vị Thái-ất cao                       | 1314 |
| 52) Phong-khi diệt-phác cao-dược thần phương | 1314 |
| 53) Bảo-anh chi-bảo dinh tử                  | 1315 |
| 54) Bảo thai thần hiệu hoàn.                 | 1316 |
| 55) Quan-âm sữa-khò đan                      | 1316 |
| 56) Suy-hần dược phương                      | 1317 |
| 57) Vi-độc phương                            | 1317 |
| 58) Tây chồn thần phương                     | 1318 |
| 59) Giáp Sùng sĩ thông thần phương           | 1318 |
| 60) Tâm-thống thần phương                    | 1318 |
| 61) Kê-can tán bí phương                     | 1319 |
| 62) Kê-can tán                               | 1319 |
| 63) Lâm-tỷ lang-sùng thần phương             | 1319 |
| 64) Tam-khi ẩm                               | 1320 |
| 65) Bi-thụ tây-dương tửa-phương              | 1320 |
| 66) Tri nhũ-ung thần phương                  | 1321 |
| 67) Khẩu-cam suy nhược thần phương           | 1321 |
| 68) Chư-can tán                              | 1321 |
| 69) Tri-ngược thần phương                    | 1321 |
| 70) Sát-nha chi bảo tán                      | 1322 |

## TẬP HIỆU-PHÒNG TÂN-PHƯƠNG

|                                            |      |
|--------------------------------------------|------|
| Lời dịch giả                               | 1325 |
| Tiêu dẫn của tác giả                       | 1326 |
| Tập Hện-Phòng Tân-Phương gồm các bài thuốc |      |
| 1) Bài bồi-thỏ cố-trang                    | 1329 |
| 2) Thông-tàng phương                       | 1331 |
| 3) Từ-thủy nhuận-táo phương                | 1333 |
| 4) Bồ-can ôn-thận phương.                  | 1335 |
| 5) Bồ-âm liễm-dương an-thần phương         | 1337 |
| 6) Thăng-thanh giáng-trọc phương           | 1338 |
| 7) Tuấn-hồ tỉnh-huết sao                   | 1340 |
| 8) Bình-can-khi dưỡng-can-huyết phương     | 1341 |
| 9) Hện-thiên lục-vị phương                 | 1342 |
| 10) Hện-thiên bát-vị phương                | 1346 |



|                               |      |
|-------------------------------|------|
| 11) Hắc-bồ đỉnh               | 1348 |
| 12) Bạch-long đan             | 1349 |
| 13) Hoà-huyết khai-nất phương | 1350 |
| 14) Bồ-âm lợi-dương phương    | 1351 |
| 15) Thanh-kim đạo-khi phương. | 1353 |
| 16) Nhân-vật tư-vinh cao      | 1354 |
| 17) Phù-dương tề âm phương    | 1355 |
| 18) Tư-tương cao              | 1356 |
| 19) Tư-âm giáng hỏa phương    | 1358 |
| 20) Nhị-ong âm                | 1359 |
| 21) Đột-long âm               | 1359 |
| 22) An-trung tán              | 1360 |
| 23) Bồ-âm tiếp-dương phương   | 1361 |
| 24) Dương tiếp-âm phương      | 1362 |
| 25) T. kim cao                | 1364 |
| 26) Nhân-sơ cao.              | 1366 |
| 27) Bào-âm phương             | 1367 |
| 28) Bồ-y âm tiên              | 1369 |
| 29) Địa-nguyên cứu-bổn thang. | 1370 |

### **TẬP NGOẠI-CẢM THỐNG-TRỊ**

|                                         |      |
|-----------------------------------------|------|
| Tựa                                     | 1375 |
| Tập Ngoại-Cảm Thống-Trị gồm có ba thiên | 1377 |

#### **Thiên thượng . gồm 25 chương**

|                                                                                                                         |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 1) Bàn về y-lý                                                                                                          | 1381 |
| 2) Bàn về nước Nam ta không có chứng thương hàn, mùa đông là cảm hàn, mà ba tháng cuối mùa là cảm mạo, và phép điều-trị | 1385 |
| 3) Bàn về nước ta không nên dùng bài thuốc Ma-Hoàng, và bài thuốc Quế-Chi                                               | 1386 |
| 4) Bàn về chứng trúng-hàn, chứng thương-hàn, chứng cảm-hàn và phép chữa.                                                | 1388 |
| 5) Bàn về thuyết tả khí truyền từ kinh nọ sang kinh là lầm                                                              | 1389 |
| 6) Bàn về chứng thương-hàn là hoả uất lên và phép chữa                                                                  | 1390 |
| 7) Bàn về bài Tiểu-dao-tán chữa cả năm chứng uất, và còn chữa mọi chứng ngoại cảm                                       | 1391 |



|                                                                         |      |
|-------------------------------------------------------------------------|------|
| 8) Bàn về chứng nội thương-hàn và phép chữa,                            | 1392 |
| 9) Bàn về phong và hàn cùng chữa như nhau                               | 1393 |
| 10) Bàn về phép chữa thương hàn                                         | 1394 |
| 11) Bàn về chứng thương-hàn có khi phải bỏ                              | 1395 |
| 12) Bàn về chứng thương-hàn sốt lâu và phép chữa                        | 1396 |
| 13) Bàn về chứng âm hư phát sốt. cùng chứng thương-hàn không khác nhau. | 1397 |
| 14) Bàn về chứng âm hư khó bỏ và phép chữa                              | 1397 |
| 15) Phân-biệt về âm-chứng và âm-độc                                     | 1400 |
| 16) Phân-biệt về dương-chứng và dương-độc                               | 1401 |
| 17) Bàn về chứng âm thịnh mà cách dương trở lên                         | 1402 |
| 18) Bàn về chứng dương thịnh mà cách âm trở lên                         | 1403 |
| 19) Bàn về chứng ở ngoài biểu thế nào là hư và thực                     | 1404 |
| 20) Bàn về chứng ở trong lý thế nào là hư và thực                       | 1405 |
| 21) Bàn về chứng hư yếu                                                 | 1406 |
| 22) Bàn về chứng thực                                                   | 1407 |
| 23) Bàn về chứng hư tựa như thực                                        | 1407 |
| 24) Bàn về chứng thực tựa như hư                                        | 1408 |
| 25) Bàn về trong một chứng vừa hư vừa thực                              | 1408 |

#### **Thiên giữa : gồm 8 chương**

|                                                                                     |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 1) Bàn về chứng nên phát hãn                                                        | 1418 |
| 2) Bàn về chứng không nên phát hãn                                                  | 1418 |
| 3) Ba phương để giải biểu                                                           | 1420 |
| 4) Bàn về chứng lục dâm có thể chữa như nhau                                        | 1429 |
| 5) Bàn về chứng nên uống thuốc hạ                                                   | 1430 |
| 6) Bàn về chứng không nên uống thuốc hạ                                             | 1431 |
| 7) Sáu bài thuốc điều hoà ở trong lý                                                | 1434 |
| 8) Bàn về phát hãn nhiều cũng là vong âm, hạ nhiều cũng là vong dương và phép chữa. | 1437 |

#### **Thiên cuối : gồm 22 chương**

|                                                        |      |
|--------------------------------------------------------|------|
| 1) Bàn về phép bỏ cho những chứng hư                   | 1440 |
| 2) Bàn về bài thuốc chữa cho những chứng hư            | 1443 |
| 3) Bàn về phép bỏ cho chứng thương-hàn                 | 1448 |
| 4) Bàn về chứng thương-hàn di lý và phép chữa          | 1456 |
| 5) Bàn về chứng thương-hàn kết ở ngực và phép chữa     | 1457 |
| 6) Bàn về chứng thương-hàn kết ở ngũ tạng và phép chữa | 1458 |
| 7) Bàn về chứng thương-hàn phát cuồng và phép chữa     | 1458 |
| 8) Bàn về chứng thương-hàn phát ban và phép chữa       | 1459 |



|                                                                  |      |
|------------------------------------------------------------------|------|
| 9) Bàn về chứng thương-hàn phát nê và phép chữa                  | 1459 |
| 10) Bàn về chứng thương-hàn phát phù nê và phép chữa             | 1460 |
| 11) Bàn về lễ rét và sốt                                         | 1461 |
| 12) Bàn về chứng hàn nhiệt vắng lai (rét và nóng trở đi trở lại) | 1461 |
| 13) Bàn về chứng rét và nóng thật hay giả                        | 1463 |
| 14) Chứng bệnh và cho trẻ em                                     | 1464 |
| 15) Những bài thuốc chữa về chứng hư                             | 1465 |
| 16) Phép trong sắc người                                         | 1469 |
| 17) Phép hỏi chứng bệnh                                          | 1473 |
| 18) Phép xem mạch                                                | 1475 |
| 19) Bàn về chứng nghịch (trái ngược)                             | 1478 |
| 20) Bàn về chứng chết                                            | 1479 |
| 21) Nói về mạch của 12 kinh                                      | 1480 |
| 22) Bàn về ngũ-lạng khó chịu muốn cho bỏ hay vội đi              | 1481 |

## Tập MA CHẨN CHUẨN THẮNG

|                                                                        |      |
|------------------------------------------------------------------------|------|
| Tiền 序 của tác giả                                                     | 1487 |
| Tập Ma-Chẩn-Chuẩn-Thắng gồm số nào bài :                               |      |
| 1) Căn nguyên chứng sởi                                                | 1491 |
| 2) Tổng luận                                                           | 1491 |
| 3) Phép chữa                                                           | 1492 |
| 4) Bốn điểm phải kiêng trong chứng sởi.                                | 1497 |
| 5) Những chứng tựa như sởi                                             | 1497 |
| 6) Phép chữa lúc sởi sắp mọc                                           | 1499 |
| 7) Phép chữa lúc sởi đã mọc                                            | 1499 |
| 8) Phép chữa khi sởi mọc và lặn chậm hay chóng                         | 1500 |
| 9) Chứng sởi thể nào là thuận                                          | 1501 |
| 10) Chứng sởi thể nào là nặng                                          | 1501 |
| 11) Chứng sởi thể nào là nghịch                                        | 1501 |
| 12) Ý nghĩa dùng thuốc                                                 | 1502 |
| 13) Đại lược những phương thuốc phải dùng                              | 1504 |
| 14) Nên dùng thuốc nhẹ hay là thuốc mạnh                               | 1510 |
| 15) Các tạp chứng trong khi mọc sởi hay là khi sởi đã hay              | 1511 |
| 16) Phụ chép mấy chứng ban                                             | 1521 |
| 17) Những bài thuốc để chữa sởi                                        | 1525 |
| 18) Những chứng bệnh của đức Phùng Thị để chữa có ghi ở sách Cẩm-Nang. | 1538 |



## Tập DƯƠNG-ÁN, ÂM-ÁN

Lời dịch giả

Tiền dẫn của tác giả

1547

1548

Tập Dương-Án gồm có những bài :

- |                                                                    |      |
|--------------------------------------------------------------------|------|
| 1) Chứng tiên-khát (ti giải nhiều mà khát vô độ                    | 1551 |
| 2) Chứng âm hư nhưc đầu                                            | 1554 |
| 3) Chứng có thai mà đau hắc-loạn                                   | 1559 |
| 4) Chứng ngoại cảm thêm nội thương                                 | 1560 |
| 5) Chứng chợt ngã ra mà không phải trúng phong                     | 1563 |
| 6) Chứng đau bả goá bệnh nất                                       | 1566 |
| 7) Chứng âm hư đau nhiệt (chỉ nóng không rét)                      | 1568 |
| 8) Chứng đau, hiểm, huyết nhiệt tả độc nhiều mà nguyên khí hư yếu. | 1571 |
| 9) Chứng thại nhiệt mà giả hàn                                     | 1576 |
| 10) Chứng cảm mạo động thai                                        | 1577 |
| 11) Chứng vong âm mà mồ-hôi ra nhiều                               | 1579 |
| 12) Chứng tiểu em ho đờm                                           | 1581 |
| 13) Chứng tiểu em đau nhiệt (chỉ sốt không rét)                    | 1583 |
| 14) Chứng sản hậu kết khối giả                                     | 1585 |
| 15) Chứng canh sườn đau                                            | 1587 |
| 16) Chứng quan-cách.                                               | 1593 |
| 17) Chứng sản nan (khó đẻ)                                         | 1597 |

Tập Âm-Án gồm có các bài :

- |                                       |      |
|---------------------------------------|------|
| 1) Chứng âm vong, dương kiệt          | 1602 |
| 2) Chứng đau-nhiệt vong âm            | 1604 |
| 3) Chứng thủy kiệt, hỏa viêm          | 1606 |
| 4) Chứng sản hậu phù sưng             | 1609 |
| 5) Chứng tử-cách                      | 1611 |
| 6) Chứng thổ-tả                       | 1613 |
| 7) Chứng đau mà khí hư                | 1616 |
| 8) Chứng âm hư sưng-họng tử           | 1619 |
| 9) Chứng hàn nhiệt như sôi rét        | 1626 |
| 10) Chứng âm hư sưng-họng đau         | 1629 |
| 11) Chứng đau mà khí huyết đều hư yếu | 1631 |
| 12) Chứng hư yếu lao-sái              | 1633 |



# ĐÍNH CHÍNH

| Trang | Dòng  | CHỮ SAI             | ĐỔI LÀ              |
|-------|-------|---------------------|---------------------|
| 1097  | 15    | song                | xong                |
| 1102  | 28    | thuộc               | thuốc               |
| 1107  | 22    | mệnh môn hóa        | mệnh-môn-hỏa        |
| —     | 02,04 | song                | xong                |
| 1110  | 13    | khí khôn            | trí khôn            |
| 1112  | 12    | thang               | thăng               |
| 1122  | 18    | Mạch môn            | mạnh môn            |
| 1128  | 09    | Thường              | Thượng              |
| 1129  | 07    | minh, giết          | mừng, giận          |
| 1135  | 09    | bội                 | bộ                  |
| —     | 20,22 | bởi                 | bội                 |
| 1136  | 14,17 | bởi — thọ-ty        | bội — thỏ-ty        |
| 1137  | 07,12 | thất — huyện        | thật — luyện        |
| 1139  | 08    | cháy                | chạy                |
| 1141  | 09    | đun                 | đưa                 |
| 1142  | 02    | lâu                 | nấu                 |
| 1144  | 05,22 | mạnh — chúa         | mạch — chứa         |
| 1146  | 18,23 | dài — bỏ            | bài — bỏ            |
| 1147  | 02    | đầu                 | đều                 |
| 1149  | 20,25 | đó bài — hoá        | bài — hao           |
| 1150  | 03    | thận tử             | thận-thủy           |
| 1151  | 23,26 | ừ-trệ — bỏ phế      | ừ-trệ — bỏ-phế      |
| 1152  | 19    | Xuyên-huyện-tử      | Xuyên-luyện-tử      |
| 1155  | 22    | bỏ                  | bồ                  |
| 1157  | 27    | bối — ửng-trệ       | bội — ửng-trệ       |
| 1158  | 18,25 | suy tồn — bệnh mạch | suy tồn — bệnh mạnh |
| 1159  | 16    | mạnh                | mạch                |
| 1164  | 03    | trắng bông          | trắng bóng          |
| —     | 04,07 | Kỷ-tử               | Kỷ-tử               |
| —     | 13    | người               | ngươi               |
| 1166  | 14    | thỏ-ty              | thỏ-ty              |
| 1169  | 23    | song                | xong                |
| 1171  | 21,27 | Kỷ-tử — mặt         | Kỷ-tử — mặt         |
| 1175  | 01    | biền                | biều                |
| 1178  | 13,26 | mật-dược — tử       | một-dược — tựa      |
| 1179  | 04    | tháng               | thang               |
| 1183  | 01,24 | bỏ — âm             | bỏ — âm             |
| 1185  | 07    | mạch                | mạnh                |



| Trang | Dòng  | CHỮ SAI      | ĐỔI LẠI      |
|-------|-------|--------------|--------------|
| 1195  | 10    | tháng        | thang        |
| 1196  | 23    | thừa         | thực         |
| 1208  | 18    | tý           | tý           |
| 1209  | 02    | tiên         | tiêu         |
| 1211  | 13,23 | bĩ mẫn — cổ  | bĩ mẫn — cổ  |
| 1213  | 02    | khi          | khí          |
| 1214  | 01    | nồng         | hồng         |
| 1217  | 05,10 | Thon — nhần  | Thốn — nhần  |
| 1219  | 19    | bê           | bố           |
| 1220  | 09    | mới          | mót          |
| 1223  | 25,27 | thở — thành  | trở — hành   |
| 1224  | 16,19 | cầm — đối    | cầm — đối    |
| 1225  | 11    | thang        | thăng        |
| 1229  | 04    | quần         | quân         |
| 1230  | 09,11 | Bài-hồ — tấn | Sài-hồ — tán |
| 1232  | 09,12 | trơ — đối    | trợ — đối    |
| —     | 15    | mạch-môn     | mạnh-môn     |
| 1234  | 01    | Bổ           | bổ           |
| 1235  | 08    | manh         | mạch         |
| 1238  | 18    | Khương       | hương        |
| 1239  | 04    | rát          | rét          |
| 1240  | 17    | Ấu-ấu        | Ấu-ấu        |
| 1242  | 07    | tảo-dương    | Toả dương    |
| 1243  | 02,08 | nát — Tân    | mát — Tâm    |
| —     | 20    | thao         | hoa          |
| 1245  | 17    | tử-lau       | tử, lan      |
| 1246  | 08    | nhút         | nhức         |
| 1247  | 12    | hoàn kỳ      | Hoàng-kỳ     |
| 1248  | 06    | thập độc     | thấp độc     |
| 1249  | 22    | phiên        | phiến        |
| 1251  | 17    | thạch        | trạch        |
| 1253  | 27    | sau          | sáu          |
| 1259  | 22    | tần          | tần          |
| 1260  | 20    | ý            | tý           |
| 1269  | 09    | bể           | bồ           |
| 1270  | 10    | bô           | bồ           |
| 1274  | 04    | duỡng        | dương        |
| 1279  | 16    | Thần         | Thán         |
| 1286  | 08    | ở            | lở           |
| 1287  | 17    | trung        | trùng        |
| 1288  | 20    | Bạch quế     | Bạc quế      |
| 1289  | 02    | hàm          | hàn          |



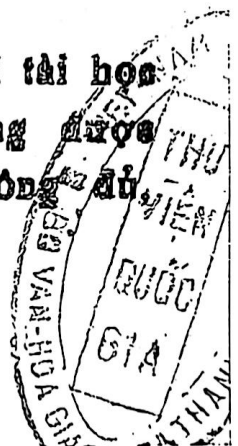
đen, để liễm huyết và giáng hỏa, và dẫn thuốc vào huyết phận hay khí phận, 1 chỉ phụ-tử để giúp sức thuốc.

Như vậy thời dùng âm được mà không hại đến dương, tôi gia giảm dùng những vị thuốc kể trên, trong khoảng mười hôm thời mọi chứng đều khỏi mà ăn uống tiến dần. Tôi vì bận việc nhà phải trở về, mà chỗ bệnh nhân đi theo để phục thuốc.

Tôi thuê một căn nhà hàng xóm cho bệnh nhân ở, mà từ đó thời cho uống những bài « bát-vị-hoàn » « quy-ty-thang » « tẩu-bổ tinh-huyết sao », « ngũ-lạng quân-tử sao », hoặc bổ âm tiếp dương, hoặc bổ dương tiếp âm, đều là những vị tính huyết.

Mới được hơn hai tuần, lại thấy bệnh nhân tinh thần kém đi, mà các chứng lại phát ra. Tôi đến xem thời ông Hiện-sinh nhỏ nước mắt cầu cứu, tôi nói rằng tôi nghĩ ông là người văn học tài hạnh, nên ngày đêm hết sức để cứu vãn, nhưng ông Nhan-Hồi là bậc đại hiền cũng không hưởng được tuổi trời. Kinh Phật có câu : « thân này còn không giữ được còn tiếc gì vợ con » đó là chí lý « sảo không », vị Hiện-sinh nghe tôi nói biết bệnh chứng không thể chữa được, rồi kêu khóc xin về, tôi mới thuê cho một chiếc thuyền để trở về, được hơn một tuần thời mất.

Về chứng này, tôi thấy vị Hiện-sinh là người tài học nên không nỡ bỏ qua, hết sức điều trị mà không được như ý, hoặc giả tôi hết lòng mà sức thuốc không đủ, xin bày tỏ ra đây để người đời sau cùng tỏ.





| Trang | Dòng  | CHỮ SAI           | ĐỔI LÁ              |
|-------|-------|-------------------|---------------------|
| 1468  | 24    | Song hỏa          | song-hoà            |
| 1471  | 3     | trông mắt trong   | bỏ 3 chữ này        |
| 1478  | 18    | «trăm sắc hoãn    | mạch trăm, sắc hoãn |
| 1482  | 5     | chỉ về            | chủ về              |
| 1491  | 3     | ôn chân           | ân chân             |
| 1494  | 28    | lựa thứ           | lựa thuốc           |
| 1496  | 19    | thông vận         | không vận           |
| 1499  | 16    | hai thứ           | thứ 2               |
| 1499  | 24,26 | nó mê — cam hoàng | nói mê — Tam hoàng  |
| 1507  | 6     | Nguyên-thảo       | Nguyên-thỏa         |
| 1512  | 4     | do ho             | dù ho               |
| 1526  | 5     | sao chín          | cho chín            |
| 1531  | 9     | niêm-tử           | Thử-niêm-tử         |
| 1540  | 10    | kinh là           | kinh mà             |
| 1556  | 49,26 | vải — hàng bá     | dải — Hoàng-bá      |
| 1557  | 11    | dâng lên          | đông lên            |
| 1575  | 24    | dưỡng khí         | duyơng khí          |
| 1582  | 20    | tý đã lui         | tý đã yếu           |
| 1584  | 26    | lò đầu            | là đầu              |
| 1586  | 20    | không nhất        | kiêng nhất          |
| 1590  | 2     | được mãi          | được nước dãi       |
| 1603  | 3     | sợ sét            | sợ rét              |
| 1604  | 7     | đến nổi           | đến với             |
| 1610  | 12    | thâm tín          | thân tín            |
| 1631  | 12    | chân thật         | nhâm thuật          |

HẢI-THƯỢNG Y-TÔN TÂM-LĨNH (Quyển III)

của LÃN-ÔNG LÊ HỮU-TRÁC

do ĐÌNH-THỤ HOÀNG VĂN HÒE

và HOÀNG ĐÌNH KHOA dịch

Nhà sách KHAI-TRÍ

62, Lê-Lợi Sài-gòn

xuất bản

In tại nhà in riêng của nhà xuất bản



